

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Năm 2010

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 38 205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05 - 05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09 – 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2010	12 – 28

Báo cáo của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát Triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001522 ngày 24 tháng 03 năm 2003, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 24 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc trang thiết bị y tế. Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế.

Trụ sở của Công ty tại: 184/2, Lê Văn Sỹ, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Túy	Ủy viên
Ông Phan Công Tứ	Ủy viên
Bà Phạm Thị Lữ	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Túy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Tứ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Giám Đốc

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Kiều Hữu

Số:/BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA** được lập ngày 09 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến đã nêu dưới đây, tuy nhiên để có thể hiểu rõ thêm tình hình tài chính của công ty chúng tôi xin lưu ý đến người sử dụng báo cáo này về một số nội dung phát sinh có liên quan đến hoạt động của công ty trong tương lai, cụ thể :

- Liên doanh giữa công ty và công ty CP tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc NOVA thành lập một pháp nhân mới có vốn điều lệ dự tính là 6 tỷ đồng với mục đích là đầu tư xây dựng và khai thác dự án khu cao ốc văn phòng và khách sạn cao cấp tại 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi Phường 12 Quận Phú Nhuận Tp. HCM. Theo hợp đồng liên doanh, công ty sẽ góp 35% vốn điều lệ và đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này đơn vị đã bàn giao mặt bằng cho bên liên doanh để xây dựng dự án, do đó toàn bộ trị giá của tài sản của công ty là nhà cửa, vật kiến trúc ... tại địa điểm trên sẽ được thanh lý trong năm 2011, do thay đổi về mục đích kinh doanh nên tiền thuê đất đối với diện tích đất sử dụng cho dự án này cũng tăng lên đáng kể.;

- Dự án xây dựng nhà máy GMP- WHO tại Bình Dương đã hoàn thành và đưa vào sản xuất thử trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2010 theo quyết định số 150/VIDIPHA-KT ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Tổng Giám Đốc công ty , đơn vị ghi nhận tăng tài sản của dự án này vào năm 2011. Với việc hạch toán tài sản cố định như đã nêu, tình hình tài chính của công ty có thể thay đổi nếu việc ghi nhận tăng tài sản cố định được tính vào tháng 10 năm 2010 do nhà máy đã hoàn thành và đưa vào sản xuất thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, belonging to Đinh Thế Đường, is written over a horizontal line.

Đinh Thế Đường

Chứng chỉ KTV 0342/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		194.263.492.130	163.715.934.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	9.440.194.854	6.258.955.780
1. Tiền	111		7.940.194.854	4.758.955.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	25.000.000.000	52.691.150.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		25.000.000.000	52.691.150.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	99.513.314.645	61.078.369.198
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	50.921.077.604	44.636.762.549
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	47.776.342.439	16.285.536.774
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	1.020.025.154	360.200.427
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(204.130.552)	(204.130.552)
IV. Hàng tồn kho	140	4	51.220.472.074	39.107.626.227
1. Hàng tồn kho	141		51.220.472.074	39.107.626.227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	9.089.510.557	4.579.833.262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1	7.979.461.393	255.727.911
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.2	22.882.414	238.916.880
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	1.087.166.750	4.085.188.471
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		112.080.898.410	71.931.175.282
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		103.231.552.588	67.399.015.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	48.105.946.026	21.934.262.217
- Nguyên giá	222		97.757.014.966	67.053.251.708
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(49.651.068.940)	(45.118.989.491)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	8.712.292.397	8.916.609.065
- Nguyên giá	228		9.223.160.506	9.223.160.506
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(510.868.109)	(306.551.441)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	46.413.314.165	36.548.144.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	8.737.475.874	4.532.160.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.205.315.874	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.532.160.000	4.532.160.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		111.869.948	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13.258.181	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		98.611.767	
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		306.344.390.540	235.647.109.749

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		105.730.462.123	54.492.225.047
I. Nợ ngắn hạn	310	10	70.566.043.682	54.206.894.759
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	30.615.702.395	21.994.844.812
2. Phải trả người bán	312	10.2	22.717.925.338	16.165.960.321
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	552.712.154	744.554.953
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	6.042.849.861	2.787.834.315
5. Phải trả người lao động	315	10.5	910.000.000	1.600.000.000
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.6	5.419.679.685	6.025.126.777
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.7	4.307.174.249	4.888.573.581
II. Nợ dài hạn	330	11	35.164.418.441	285.330.288
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.1	35.000.000.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.2	164.418.441	285.330.288
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		200.613.928.418	181.154.884.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	200.613.928.418	181.154.884.702
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.802.878.200	61.802.878.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		13.030.515.170	13.030.515.170
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		138.148.292	103.169.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		40.288.039.108	25.028.701.310
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.082.541.751	4.234.800.762
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.271.805.897	16.954.820.260
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		306.344.390.540	235.647.109.749

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPA*Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại (USD) 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		14.077,38	93.901,13

*Lập, ngày 09 tháng 03 năm 2011***Người lập biểu***(Đã ký)***Hoàng Thế Bắc****Kế toán trưởng***(Đã ký)***Phan Công Tứ****Tổng Giám đốc***(Đã ký)***Kiều Hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	13	249.918.128.442	229.515.503.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	14	877.912.143	931.949.516
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	249.040.216.299	228.583.553.615
4. Giá vốn hàng bán	11	16	189.211.795.989	177.308.445.048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		59.828.420.310	51.275.108.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	4.524.879.948	6.527.498.333
7. Chi phí tài chính	22	18	5.160.030.696	(75.678.330)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.115.018.442	157.759.024
8. Chi phí bán hàng	24		8.134.648.147	10.938.721.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.445.617.536	12.393.917.310
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		33.613.003.879	34.545.646.765
11. Thu nhập khác	31		410.344.834	363.898.870
12. Chi phí khác	32		385.826.652	113.076.837
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		24.518.182	250.822.033
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.637.522.061	34.796.468.798
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	7.464.328.417	4.641.649.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	(98.611.767)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	22	26.271.805.412	30.154.819.775
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.379	5.026

Lập, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

(Đã ký)

Hoàng Thế Bắc

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phan Công Tứ

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Kiều Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		33.637.522.061	34.796.468.798
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		5.152.534.617	4.958.913.109
- Các khoản dự phòng	3		-	(367.050.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4.064.319.564)	(6.469.611.789)
- Chi phí lãi vay	6		5.115.018.442	157.759.024
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		39.840.755.556	33.076.479.142
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(46.090.566.115)	(18.275.563.094)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.112.845.847)	(5.600.560.558)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.078.054.500	3.094.969.997
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.258.181)	1.424.641
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.063.372.271)	(157.759.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.387.546.823)	(2.540.240.852)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.864.849.072	3.452.360.237
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.468.687.721)	(3.151.259.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.352.617.830)	9.899.850.619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.353.660.885)	(37.169.460.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.931.818	192.369.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.675.650.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.866.800.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.100.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.028.387.746	6.941.367.789
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.198.191.321)	(30.035.722.612)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131.918.827.992	21.994.844.812
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(88.304.078.565)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.874.705.250)	(14.265.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.740.044.177	7.728.964.812
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.189.235.026	(12.406.907.181)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.258.955.780	18.665.862.961
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.995.952)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.440.194.854	6.258.955.780

Lập, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Đã ký)
Hoàng Thế Bắc

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Phan Công Tứ

Tổng Giám đốc
(Đã ký)
Kiều Hữu

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Năm 2010

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát Triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001522 ngày 24 tháng 03 năm 2003, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 24 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc trang thiết bị y tế. Tư vấn về chuyên giao công nghệ. Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế

4. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

5. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

6. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

14. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh

16. Nguồn vốn chủ sở hữu:

16.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

16.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

17.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

17.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

17.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt (VND)	125.503.392	222.359.243
1.2-Tiền gửi ngân hàng	7.814.691.462	4.536.596.537
Tiền gửi ngân hàng-VND	7.548.178.504	4.376.901.364
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN. Ba Đình	259.824.114	
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (SGD II)	4.053.155.849	2.425.807.715
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (C.N Nam Sài Gòn)	2.496.887.816	1.951.093.649
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (SGD II)	738.310.725	
Tiền gửi ngân hàng-USD	266.512.958	159.695.173
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (SGD II) # 1,136.47 USD	21.515.650	27.820.032
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam(CN. Nam Sài Gòn) # 12,940.91 USD	244.997.308	131.875.141
1.3-Tương đương tiền	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (SGD II)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	9.440.194.854	6.258.955.780
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		
Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (CN. Nam Sài Gòn)	25.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (SGD II)		2.691.150.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	52.691.150.000
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1-Phải thu khách hàng	50.921.077.604	44.636.762.549
- Cty CP Dược Phẩm Hướng Việt	4.973.852.739	-
- Cty TNHH DP Nhất Anh (NAFARMA)	4.570.862.034	737.626.378
- Cty TNHH Dược Phẩm Khánh Như	4.547.428.140	496.382.166
- Cty CP Dược Phẩm TW Vidipha -CN Hà Nội		5.302.976.074
- Khách hàng tại CH GTSP Cty Vidipha (Tân Định)	3.075.088.042	2.137.607.143
- Khách hàng tại CH GTSP Cty Vidipha (TTTM Q.10)	2.887.571.600	2.186.839.529
- Cty Cổ Phần Dược VACOPHARM	1.749.398.384	1.037.166.877
- Cty TNHH MTV Dược Kỳ Phương	1.190.700.134	-
- Cty TNHH DP Quốc Tế Nam Việt (*CT522)	1.160.605.432	1.175.066.899
- Công Ty Cổ Phần Sao Mai -Thái Bình	1.049.783.602	684.920.349
- Cty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	889.782.955	532.646.324
- Cty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	862.787.285	3.056.019.343
- Cty CP Dược & VTYT Hải Dương	770.274.671	1.131.207.920
- CT TNHH Dược Phẩm Minh Tấn	667.886.719	94.167.999
- Cty TNHH Dược Phẩm Bửu Hòa	666.338.439	633.239.407
- Cty CP Dược Hà Tĩnh (HADIPHAR)	662.044.236	83.472.309
- Bác Sĩ Hoài	606.592.621	365.745.521
- Cty CP Dược - TBYT Đà Nẵng (Dapharco)	588.168.506	632.736.132
- Nhà Thuốc Trường Thọ -ĐLẮc	564.984.350	409.390.632
- Cty CP Dược Phẩm Calapharco	528.932.785	1.259.256.503
- Cty TNHH -TM Dược Phẩm Đỗ Thái	515.811.230	421.631.270

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2010*

- Cty TNHH TM DP Hùng Vương	510.039.970	348.834.572
- Cty CP Dược Lâm Đồng LADOPHAR	496.626.912	256.963.697
- Cty TNHH Dược Phẩm Việt Anh	481.028.499	1.167.931.881
- Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO	478.327.939	404.481.441
- Cty CP Dược Vật Tư Y Tế Nghệ An	468.987.108	883.526.281
- Cty CP Dược Phẩm Phong Phú	464.983.553	333.102.704
- Cty TNHH SX-TM Dược Phẩm N.I.C	449.849.400	-
- Cty TNHH Dược Phẩm Bửu Hòa	429.408.454	-
- Cty CP Dược Vật Tư Y Tế DOPHARCO	412.541.114	381.391.472
- Cty TNHH Dược Phẩm Tài Thịnh	396.759.021	583.653.978
- CN Cty TNHH MTV Dược Phẩm TW2 Cần Thơ	374.832.597	1.071.154.326
- Nhà thuốc Việt Hương	357.531.640	349.360.590
- Cty Cổ Phần Dược BECAMEX	286.393.920	204.063.575
- Cty TNHH Dược Phẩm Tân Đức Minh	284.678.217	341.765.818
- Cty CP SX-TM Dược Phẩm Thiên Thành	262.067.400	-
- CN Cty CP Dược Phẩm ECO (TP.Hà Nội)	258.308.070	144.427.008
- Cty CP Dược - VTYT Gia Lai	255.098.115	251.531.849
- CN. Cty Cổ Phần Dược Phú Thọ tại Hà Nội	247.753.500	-
- CN Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn tại Hà Nội	229.108.425	69.904.200
- Cty CP Dược Phẩm Bến Thành (Chị Vân)	225.861.706	162.861.038
- Cty CP Dược Phẩm Linh Đạt	218.237.250	152.412.750
- Nhà Thuốc Minh Tâm-Q12	209.417.942	300.946.949
- TT Dược & Dụng Cụ Y Tế	204.130.552	204.130.552
- Bệnh Viện Quận 5	199.443.590	251.469.663
- Bệnh Viện Quận Gò Vấp	197.377.220	356.504.787
- Cty CP Dược Phẩm Bến Tre (Bepharco)	187.621.653	1.563.570.695
- Bác Sỹ Hương	182.151.882	189.432.182
- Bác sĩ Bích Thảo	177.505.000	164.587.500
- Cty TNHH Dược & VTYT Đắk Nông	162.479.408	41.601.658
- Cty CP Dược & Vật Tư Y Tế Ninh Thuận	144.286.743	77.839.482
- Cty TNHH DP Mỹ Anh -Cà Mau	138.452.984	-
- Bệnh Viện Ung Bướu	125.335.353	86.447.658
- Cty TNHH DP Tiến Minh -Trà Vinh	125.249.813	-
- Cty TNHH NN MTV Dược VTYT Quảng Ngãi	122.126.602	122.126.602
- Bệnh Viện Huyện Củ Chi	120.949.185	-
- Hiệu Thuốc Tổng Công ty Dược VN	120.000.000	237.637.750
- Bệnh Viện Quận Tân Phú	117.778.407	36.582.400
- Bệnh Viện Quận Thủ Đức	109.267.830	-
- Cty CP Dược Đồng Nai (DONAIPHARM)	107.533.263	205.644.150
- Bệnh Viện Chợ Rẫy	105.032.850	118.472.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2010*

- Cty Cổ Phần Đại An Phú		3.282.896.069
- Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)		1.401.198.606
- Cty TNHH MTV Dược Phẩm TW2 (CODUPHA)		736.234.418
- BV Đa Khoa Khu Vực Củ Chi	47.553.450	418.082.039
- Cty TNHH MTV Dược Phẩm TW1		414.034.960
- Cty CP Dược Phẩm Mỹ Quốc		338.631.072
- Cty TNHH Dược phẩm EIFFEL Pháp		322.866.600
- DN Dược Phẩm Thanh Tùng	47.877.197	256.633.145
- Cty TNHH Dược phẩm Trường Tiền	90.487.641	222.548.867
- Bệnh Viện Quận 9	36.088.389	222.425.245
- Nhà Thuốc số 2 -Cty TNHH DP Việt Thái	61.920.517	182.353.372
- Cty Dược Phẩm TW 3 - Đà Nẵng	87.129.000	158.760.000
- Cty Cổ Phần Dược Ánh Dương (*TT014)	80.408.000	150.764.000
- TT Y Tế Huyện Tân Uyên		120.353.520
- Công Ty TNHH Minh Quang		118.480.007
- Cty CP TM & Dược Phẩm Việt Tiến		116.351.909
- Bệnh viện Quận Tân Bình	74.808.187	112.974.731
- Cty TNHH Dược Phẩm Phan Rang	36.848.388	106.629.233
- Bệnh Viện Bình Tân	98.989.696	104.567.097
- Công ty CP Dược phẩm Miền Tây	359.168.917	
- Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	446.221.738	
- Công ty CP Dược phẩm VTYT Quảng Ninh	279.719.680	
- Công ty CP Dược phẩm & VTYT Lạng Sơn	243.230.865	
- Khách hàng khác	5.957.168.948	2.407.516.890
3.2-Trả trước cho người bán	47.776.342.439	16.285.536.774
- Cty TNHH TMKT Đông Phương	5.090.022.280	5.194.000.000
- Cty CP Đầu Tư Xây Dựng Thiên Nam	33.281.512.393	5.000.000.000
- Cty TNHH Uy Việt (Uy Việt Co Ltd.)	6.244.000.000	2.650.000.000
- NACCO Materials Handling Group Pty Ltd	760.348.092	
- CTY SHINE RESOURCES LTD	638.641.675	
- Cty KHS SYNCHEMICA CORP	384.150.000	
- Cty TNHH Đầu Tư Xây Dựng 2/9	321.900.000	321.900.000
- Công Ty TNHH Đại Quang Lộc	263.912.800	
- CIPLA LTD -INDIA	212.985.000	
- Cty TNHH DV -TM -KT Đại Nam Tiến		1.694.232.852
- Cty OPSONIN PHARMA Ltd.,		513.112.600
- Cty Ozia Pharmaceutical PTY Ltd., (Australia)		390.216.750
- Cty TNHH Kinh Doanh Ô TÔ NISU		181.431.250
- Viện Kiểm Nghiệm thuốc TP.HCM -BYT		140.000.000
- Cơ Sở Cơ Khí Trung Việt	193.050.000	
- Cty TNHH Cơ Khí Cơ Việt	60.029.938	
- Nhà cung cấp khác	325.790.261	200.643.322

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

3.3-Các khoản phải thu khác	1.020.025.154	360.200.427
- Cty TNHH Xây dựng TM DV GB	500.000.000	
- Bảo hiểm XH+YT nộp thừa	9.824.984	
- Các khoản phí liên quan của việc phát hành cổ phiếu trong năm 2011	37.000.000	
- Phải thu CBCNV (Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên khấu trừ tại nguồn)	168.650.274	44.267.267
- Phải thu CBCNV (tiền Bảo hiểm xã hội & Bảo hiểm y tế)		1.534.000
- Công ty TNHH TM - SX Oai Hùng	24.083.274	314.399.160
- Phải thu tiền ký quỹ bảo lãnh tại khách hàng tại CN. Hà Nội	264.120.000	
- Phải thu khác	16.346.622	
3.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(204.130.552)	(204.130.552)
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	99.513.314.645	61.078.369.198
<i>Ghi chú (*): Đây là khoản trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của Trung tâm Dược & Dụng Cụ Y Tế đã quá hạn thanh toán trên 3 năm.</i>		
4. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
4.1- Giá gốc hàng tồn kho	51.220.472.074	39.107.626.227
- Nguyên liệu, vật liệu	33.679.541.204	32.098.209.979
- Công cụ, dụng cụ	504.085.164	434.268.630
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.486.543.002	2.924.273.079
- Thành phẩm	13.550.302.704	3.650.874.539
4.2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	51.220.472.074	39.107.626.227
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	7.979.461.393	255.727.911
5.2- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước CNHN	22.882.414	238.916.880
5.3- Tài sản ngắn hạn khác	1.087.166.750	4.085.188.471
<i>Tạm ứng</i>	35.991.100	92.200.000
- Trần Văn Tập	1.000.000	1.000.000
- Nguyễn Văn Quang		10.000.000
- Lê Hoàn	20.000.000	10.000.000
- Trần Minh	11.200.000	71.200.000
- Phạm Quốc Bình	2.298.201	
- Đào Đức Minh	1.492.899	
Ký quỹ ngắn hạn	1.051.175.650	3.992.988.471
- Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	870.340.650	2.744.294.871
- Ký quỹ mở LC tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam		1.248.693.600
- Cty TNHH Gas Petrolimex	8.880.000	
- NH Phát triển VN- SGD II	171.955.000	
Cộng tài sản ngắn hạn khác	9.089.510.557	4.579.833.262

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	24.139.226.955	37.146.444.391	2.754.357.996	3.013.222.366		67.053.251.708
2 Số tăng trong năm	7.801.365.993	20.264.041.780	1.661.117.986	1.074.933.272	327.272.727	31.128.731.758
Bao gồm:						
- Mua trong năm		20.264.041.780	1.661.117.986	1.061.688.272	327.272.727	23.314.120.765
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.801.365.993					7.801.365.993
- Tăng khác				13.245.000		13.245.000
3 Giảm trong năm			296.060.000	128.908.500		424.968.500
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			296.060.000	128.908.500		424.968.500
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	31.940.592.948	57.410.486.171	4.119.415.982	3.959.247.138	327.272.727	97.757.014.966
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	9.126.459.798	31.122.444.786	2.307.520.751	2.562.564.156		45.118.989.491
2 Tăng trong năm	1.145.142.867	3.205.917.151	350.420.861	228.294.342	27.272.728	4.957.047.949
- Khấu hao trong năm	1.145.142.867	3.205.917.151	350.420.861	219.464.342	27.272.728	4.948.217.949
- Tăng khác				8.830.000		8.830.000
3 Giảm trong năm			296.060.000	128.908.500		424.968.500
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			296.060.000	128.908.500		424.968.500
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	10.271.602.665	34.328.361.937	2.361.881.612	2.661.949.998	27.272.728	49.651.068.940
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	15.012.767.157	6.023.999.605	446.837.245	450.658.210		21.934.262.217
2 Tại ngày cuối năm	21.668.990.283	23.082.124.234	1.757.534.370	1.297.297.140	299.999.999	48.105.946.026

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐVH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	9.223.160.506				9.223.160.506
2 Số tăng trong năm					
Bao gồm:					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	9.223.160.506				9.223.160.506
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	306.551.441				306.551.441
2 Tăng trong năm	204.316.668				204.316.668
- Khấu hao trong năm	204.316.668				204.316.668
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	510.868.109				510.868.109
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	9.223.160.506				9.223.160.506
2 Tại ngày cuối năm	8.712.292.397				8.712.292.397

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nhà máy tại Bình Dương	45.656.314.165	35.791.144.000
- Chi phí XDCB khác	757.000.000	757.000.000
Cộng Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	46.413.314.165	36.548.144.000

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Novaland- Vidipha	-	4.205.315.874	-	-
+Trị giá tiền thuê đất phải trả do thay đổi mục đích kinh doanh		2.105.315.874		
+ Về giá trị		2.100.000.000		
b - Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu	127.121	4.532.160.000	127.121	4.532.160.000
Công ty Cổ Phần Y Dược Phẩm Việt Nam	200	40.000.000	200	40.000.000
Công ty Cổ Phần DP Dược Liệu PHARMEDIC	2.671	9.660.000	2.671	9.660.000
Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAI	55.000	2.300.000.000	55.000	2.300.000.000
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	69.250	2.182.500.000	69.250	2.182.500.000
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				

10. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1-Vay và nợ ngắn hạn	30.615.702.395	21.994.844.812

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (SGD II)		21.994.844.812
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	20.527.960.140	
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam # 527.558.75 USD	9.987.742.255	
- Vay ông Trần Minh cnhn	100.000.000	
10.2-Phải trả người bán	22.717.925.338	16.165.960.321
- Cty Cổ Phần Y Dược Phẩm Vimedimex	5.400.626.418	1.855.507.470
- Cty Ishan International Pvt. Ltd., (China)	2.584.218.000	-
- Cty Saniver Limited	2.021.937.600	-
- Cty CP Dược Phẩm Mỹ Quốc	1.670.221.121	1.606.500.000
- VPĐD Ceres Commodities Pvt. Ltd.	934.991.850	-
- Cty TNHH SX-TM Nhựa Cường Phát	850.857.231	1.719.935.732
- Cty CP Thủy Tinh Hưng Phú	755.233.358	702.650.886
- Cty Nomura Trading Ltd., (Japan)	681.552.000	306.791.100
- Cty TNHH SX-TM-DV Bao Bì Tân Toàn Phát	538.168.874	266.935.164
- Cty TNHH TM Hưng Phát Thành (Huphataco)	473.000.000	473.925.000
- Cty TNHH In & Bao Bì Giấy Vạn Hưng	449.406.727	771.461.778
- Cty TNHH Hóa Chất F. D & C	428.292.540	584.403.295
- Cty XNK NVL Việt Hà	427.032.093	427.032.093
- C.Ty TNHH Vạn Hưng	389.603.940	389.603.940
- Cty TNHH SX TM & In Bao Bì Vĩnh An	375.290.938	397.698.315
- Cty TNHH TM - SX Oai Hùng	347.843.894	689.676.735
- Cty CP Dược Phẩm Cửu Long (PHARIMEXCO)	270.655.000	663.233.360
- CN Cty CP Dược Phẩm Cửu Long (PHARIMEXCO)	264.776.250	37.447.694
- Cty Cổ Phần Bao Bì Sài Gòn (SAPACO)	234.945.677	143.516.848
- Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)	201.527.670	-
- Cty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh	193.499.999	70.800.000
- Cty TNHH TM Dược Phẩm Tâm An	173.415.000	176.335.000
- Cty CP Dược Phẩm TW I - PHARBACO	158.399.136	-
- Cty TNHH Merck Việt Nam	157.881.438	-
- Công Ty TNHH Suheung Việt Nam	143.220.000	15.840.000
- Cty Amoli Enterprises Ltd. (Hong Kong)	140.400.000	-
- C.Ty TNHH Nam Long Phát	133.482.250	133.482.250
- Cty TNHH SX & TM Nam Long Phát	116.899.805	308.314.317
- Cty TNHH Bao Bì Tấn Thành	113.870.900	130.892.354
- Cty Cổ Phần Hóa Dược Việt Nam	112.133.678	-
- C.Ty TNHH Vĩnh An	101.764.300	101.764.300
- Cty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	101.408.236	80.612.700
- Cty CP Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR		2.189.275.775
- Cty TNHH MTV DP TW1 -CN TPHCM	75.109.051	540.604.082
- Ông Liêu Vương		353.670.000
- Cty TNHH Hoá Chất & Thực Phẩm (FCC)	63.315.000	179.122.500
- Cty TNHH Xây Dựng Điện Miền Nam		161.300.000
- Cty Merck KGAA (Germany)		103.675.521
- Công ty TNHH Dược phẩm Xuyên Á	177.632.532	
- CN Cty CP Cơ Khí Chính Xác Kỳ Bắc	106.425.000	
- Cty TNHH SX & TM Dân Cường	50.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

- Cty TNHH Thiết Bị Hiệp Phát	104.654.550	
- Cty TNHH Vườn Ươm Bích Câu	32.727.273	
- Nhà cung cấp khác	1.161.506.009	583.952.112
10.3-Người mua trả tiền trước	552.712.154	744.554.953
- Cty TNHH SX-KD DP Phương Hoàng	179.343.532	389.325.000
- Công Ty TNHH Minh Quang	158.560.000	-
- EPHAC CO., LTD	71.253.000	-
- Cty TNHH Dược Phẩm Trường Việt Tiến	-	200.000.000
- P.M.A CO. , LTD -Cambodia		74.114.182
- Cty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	-	63.277.200
- Khách hàng khác	143.555.622	17.838.571
10.4-Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	6.042.849.861	2.787.834.315
- Thuế nhập khẩu phải nộp	46.259.821	11.518.122
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.852.600.197	2.776.316.193
- Thuế thu nhập cá nhân	38.673.969	
- Tiền thuế đất	2.105.315.874	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

10.5-Phải trả người lao động	910.000.000	1.600.000.000
10.6-Các khoản phải trả khác :	5.330.993.685	6.025.126.777
- Cty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc NOVA	1.000.000.000	-
- Kinh phí công đoàn		73.870.000
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế		53.832.177
- Công ty CP Dược Lâm Đồng Ladophar	50.000.000	
- Nguyễn Ngọc Hồi	34.375	
- Nguyễn văn Thanh	5.815.000	
- Lãi vay ngân hàng phải trả	51.646.171	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	4.223.498.139	5.897.424.600

(*) Chi tiết một số khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2010 như sau:

+ Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.152.977.600	4.897.424.600
+ Nhận ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐ của Cty TNHH XD TM DV GB	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Hàng tạm nhập	70.520.539	

10.7-Quỹ khen thưởng phúc lợi :	4.307.174.249	4.888.573.581
Cộng nợ ngắn hạn	70.477.357.682	54.206.894.759

11. NỢ DÀI HẠN**11.1- Vay và nợ dài hạn**

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam- SGD II theo HĐ tín dụng đầu tư số 117/2010/HĐTDĐT-NHPT PC; HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 33/2010/HĐTCTS-NHPT.SGDII PC

35.000.000.000

11.2- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

164.418.441

285.330.288

Cộng nợ dài hạn

35.164.418.441

285.330.288

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	61.802.878.200	14.949.329.035	3.459.464.433	13.030.515.170		15.506.726.577	168.748.913.415
Tăng vốn trong năm trước								
Lãi trong năm trước							30.154.819.775	30.154.819.775
Tăng khác			10.079.372.275	775.336.329		103.169.000		10.957.877.604
Giảm vốn trong năm trước								
Lỗ trong năm trước								
Giảm khác							28.706.726.092	28.706.726.092
Số dư cuối năm trước.								
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	61.802.878.200	25.028.701.310	4.234.800.762	13.030.515.170	103.169.000	16.954.820.260	181.154.884.702
Tăng vốn trong năm nay								
Lãi trong năm nay							26.271.805.412	26.271.805.412
Tăng khác			15.259.337.798	847.740.989		261.001.013		16.368.079.800
Giảm vốn trong năm nay								
Lỗ trong năm nay								
Giảm khác						226.021.721	22.954.819.775	23.180.841.496
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	61.802.878.200	40.288.039.108	5.082.541.751	13.030.515.170	138.148.292	20.271.805.897	200.613.928.418

Ghi chú (*) :

Giảm vốn trong năm nay của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là các khoản phân phối theo nghị quyết ĐHCĐ ngày 03/04/2010 :

- Trích quỹ đầu tư phát triển

- Trích quỹ dự phòng tài chính

- Trích quỹ khen thưởng

- Trích quỹ phúc lợi

- Tạm trích cổ tức phải trả

Tổng cộng

Số tiền
15.259.337.798
847.740.989
593.418.692
254.322.296
6.000.000.000
22.954.819.775

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước		26,9%	16.119.000.000	16.119.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác		73,1%	43.881.000.000	43.881.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu		100 %	60.000.000.000	60.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm nay	Năm trước	
+ Vốn đầu tư của chủ SH				
- Vốn góp đầu năm		60.000.000.000	60.000.000.000	
- Vốn góp tăng trong năm				
- Vốn góp giảm trong năm				
- Vốn góp cuối năm		60.000.000.000	60.000.000.000	
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia		6.000.000.000	13.200.000.000	
d) Cổ phiếu		Số cuối năm	Số đầu năm	
+ Số lượng cp đăng ký phát hành		6.000.000	6.000.000	
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng		6.000.000	6.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông		6.000.000	6.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi				
+ Số lượng cp đang lưu hành		6.000.000	6.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông		6.000.000	6.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi				
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/cp				
e) Các quỹ của doanh nghiệp		Số cuối năm	Số đầu năm	
- Quỹ đầu tư phát triển		40.288.039.108	25.028.701.310	
- Quỹ dự phòng tài chính		5.082.541.751	4.234.800.762	
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.307.174.249	4.888.573.581	
Cộng		49.677.755.108	34.152.075.653	
13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm nay	Năm trước	
+ Doanh thu bán hàng		249.918.128.442	229.515.503.131	
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ				
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		249.918.128.442	229.515.503.131	
14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Năm nay	Năm trước	
+ Giảm giá hàng bán		77.329.582	150.103.316	
+ Hàng bán trả lại		800.582.561	781.846.200	
Cộng các khoản giảm trừ		877.912.143	931.949.516	
15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm nay	Năm trước	
+ Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa		249.040.216.299	228.583.553.615	
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ				
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		249.040.216.299	228.583.553.615	
16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Năm nay	Năm trước	
+ Giá vốn của thành phẩm đã bán		189.211.795.989	177.308.445.048	
+ Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp				
Cộng giá vốn hàng bán		189.211.795.989	177.308.445.048	
17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm nay	Năm trước	
+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay		3.796.460.046	6.173.999.669	
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia		231.927.700	295.612.120	
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		496.492.202	57.886.544	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 19 - 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	4.524.879.948	6.527.498.333
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
+ Lãi tiền vay	5.115.018.442	157.759.024
+ Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.012.254	133.612.646
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		(367.050.000)
Cộng chi phí tài chính	5.160.030.696	(75.678.330)
19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	7.464.328.417	3.415.736.081
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN		1.225.912.942
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.464.328.417	4.641.649.023
20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(98.611.767)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Cộng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(98.611.767)	
21. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Năm nay	Năm trước
- Chi phí tiền lương	1.746.516.911	1.275.161.414
- Thù lao	541.500.000	847.000.000
Cộng chi phí của hội đồng quản trị	2.288.016.911	2.122.161.414
22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Năm nay	Năm trước
Chỉ tiêu		
- Tổng lợi nhuận trước thuế	33.637.522.061	34.796.468.798
+ Các khoản điều chỉnh tăng	2.305.375.032	4.296.662.897
+ Các khoản điều chỉnh giảm	231.927.700	295.612.120
- Tổng thu nhập chịu thuế	35.710.969.393	38.797.519.575
+ Thuế TNDN phải nộp	7.464.328.417	6.105.535.915
+ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(98.611.767)	
+ Thuế TNDN được miễn giảm		1.463.886.892
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.271.805.412	30.154.819.775
23. THÔNG TIN BỔ SUNG		
Số liệu so sánh		

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS); Số dư này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông

Lập, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

(Đã ký)

Hoàng Thế Bắc

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phan Công Tứ

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Kiều Hữu